TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2023
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đạc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23a/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, Sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông M, vắng mặt bà P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2022, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Bích P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau chung sống với nhau từ năm 2005, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 07/11/2005, theo giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 07/11/2005 của UBND xã thị trấn Phú Long. Sau khi sống chung với nhau, hai vợ chồng sống chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xãy ra mâu thuẫn là do ông làm nghề tài xế thường xuyên xa nhà nên bà P hay ghen tuông vô cớ, dẫn tới hai vợ chồng thường xuyên cải vã. Sự việc này xãy ra

liên tục hơn một năm nay nên cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng nặng nề. Hiện hai vợ chồng vẫn đang sống chung một nhà nhưng vợ chồng không ai thăm hỏi ai, mạnh ai nấy sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 25/6/2006; Nguyễn Văn Bích P, sinh ngày 03/11/2007 và Nguyễn Thu Bích Q, sinh ngày 29/9/2020. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích P.

- Về con chung: Sau khi ly hôn ông đề nghị giao 03 người con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà P mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng (03 người con 6.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày: Về quan hệ hôn nhân như lời trình bày của ông M. Qúa trình chung sống bà cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là do ông M có người phụ nữa khác ở bên ngoài, bà khuyên răn ông M nhưng không được. Nay bà vẫn còn tình cảm với ông M nên bà không đồng ý ly hôn.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải và tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhiều lần nhưng đều vắng mặt, nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M:Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích P; Về con chung: Giao 03 người con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 25/6/2006; Nguyễn Văn Bích P, sinh ngày 03/11/2007 và Nguyễn Thu Bích Q, sinh ngày 29/9/2020 cho bà Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị Bích P mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng(03 người con 6.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn có địa chỉ tại thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, bà P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ bà P tự từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P.

[3] Về nội dung:

[3 .a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông M và bà P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ngày 07/11/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, bà P hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cải vã qua lại, mâu thuẫn xãy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề. Vợ chồng tuy vẫn đang chung sống một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai, mạnh ai nấy sống, không còn tha thiết gì với hôn nhân của mình. Quá trình giải quyết vụ án, bà P cố tình lẫn tránh, không hợp tác, không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông M kiên quyết ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông M xin ly hôn với bà P là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.b] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 25/6/2006; Nguyễn Văn Bích P, sinh ngày 03/11/2007 và Nguyễn Thu Bích Q, sinh ngày 29/9/2020. Quá trình giải quyết vụ án ông M đề nghị giao cả 3 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, cháu Quyên chưa đủ 36 tháng tuổi, tại bản khai của cháu Nam và cháu Phương có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, ông M làm nghề tài xế nên ít có thời gian chăm sóc con chung, nên nghĩ giao cả 3 người con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, ông M đưa ra mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà P mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng (03 người con 6.000.000 đồng/tháng). Xét đây là ý chí tự nguyện của ông M và mức cấp dưỡng trên phù hợp với mức sống tại địa phương nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.c] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích P

- Về con chung: Giao 03 người con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 25/6/2006; Nguyễn Văn Bích P, sinh ngày 03/11/2007 và Nguyễn Thu Bích Q, sinh ngày 29/9/2020 cho bà Nguyễn Thị Bích P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị Bích P mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng(03 người con 6.000.000 đồng/tháng) cho tới khi con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi sống bản thân.

Ông Nguyễn Văn M có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011119 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Ông Nguyễn Văn M còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/4/2023). Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
-Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Hơn